

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/9/2018

“V/v ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Toại.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thạch;

2. Ông Lê Nguyễn Thanh Tùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày **25** tháng **9** năm **2018**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **221/2018/TLST - HNGĐ** ngày 26 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **54/2018/QĐST-HNGĐ**, ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1991;

Đăng ký thường trú: Thôn C, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 43 DS – TK, phường TK Tây, quận TK, Th phố Đà Nẵng.

+ Bị đơn: Anh Phan Mậu Th, sinh năm 1984;

Đăng ký thường trú: Thôn QT, xã TL, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú (tạm trú): B8 – 10 KTT Nhà máy LHDDQ, thôn VT, xã BH, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi làm việc: Công ty Lọc hóa dầu BS.

Địa chỉ: xã BT, huyện BS, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị S và anh Th đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Thị S trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Mậu Th tìm hiểu trước khi kết hôn được 04 năm, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện KB, tỉnh Hà Nam vào ngày 23/11/2016.

Sau khi kết hôn, vì điều kiện công việc nên vợ chồng không sống cùng nhau; anh Th sống ở nơi anh công tác là KTT Nhà máy LHDDQ còn chị thì sống ở TS, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, chị chuyển đến sinh sống, học tập và làm việc tại Trung tâm HLTTQGĐ.

Vợ chồng không có thời gian chung sống, mỗi lần gặp nhau thì vợ chồng thuê khách sạn để ở vài ngày rồi anh Th quay về lại nơi làm việc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vì: Chị là vận động viên cầu lông Quốc gia nên thường xuyên tập luyện, thi đấu ở xa, thậm chí ở nước ngoài, mặc dù khi yêu nhau anh Th biết điều đó và chấp nhận nhưng khi sống chung thì anh Th lấy việc chị thường xuyên xa nhà, không có thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình và không vun vén tình cảm gia đình, vợ chồng dễ xúc phạm chị; mọi chuyện lớn nhỏ gì trong gia đình anh Th đều chửi mắng chị; thậm chí anh Th còn điện thoại cho gia đình chị vu khống chị ngoại tình.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi cưới nhau cho đến nay, có lần anh Th ra Đà Nẵng tìm gặp chị, yêu cầu chị đi theo anh về khách sạn để nói chuyện, tại đây anh Th đã quan hệ trái ý muốn của chị. Sau đó anh xin lỗi và hứa sẽ thay đổi; nghĩ đến tình cảm vợ chồng nên chị và anh Th đã quay lại với nhau nhưng vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn. Anh Th tiếp tục có những hành động như gọi điện, nhắn tin chửi bới, xúc phạm danh dự, uy tín của chị.

Vào tháng 5/2018 anh Th tìm gặp chị tại Trung tâm HLTTQGĐ và yêu cầu chị đi theo anh để nói chuyện, chị không đồng ý đi theo anh Th thì anh kéo tay chị, chửi bới làm chị S ngã trước cổng Trung tâm, sự việc nhiều người làm việc tại Trung tâm đều biết, qua sự việc này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, tinh thần, đến việc thi đấu và cuộc sống của chị.

Nay chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S xác định vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến đề nghị, lập luận, phản hồi của bị đơn anh Phan Mậu Th tại bản tự khai ghi ngày 31/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, kết hôn, việc chung sống anh thống nhất như chị S trình bày ở trên. Việc chị S nói anh không thông cảm với công việc của chị là không đúng; trong suốt thời gian yêu nhau gần 05 năm thì toàn bộ ngày phép của anh là đi theo vợ tại các kỳ thi đấu, anh còn xin nghỉ không lương, nghỉ lớp tiếng Anh 06 tháng cho kỹ sư; không phát triển Đảng để dành thời gian ra Đà Nẵng thăm chị nhưng thời gian vợ chồng ở bên nhau quá ít (một tháng gặp mặt 2 – 3 lần) nên vợ chồng không có nhiều thời gian ở bên nhau. Vì điều kiện công việc hai người ở hai nơi nên phát sinh mâu thuẫn, chị S dành gần như hầu hết thời gian cho việc thi đấu, tập luyện; cả lúc anh đau ốm chị S cũng không chia sẻ, chăm sóc, không hỏi thăm sức khỏe (anh ốm 03 ngày nhưng chị S không điện thoại hỏi thăm). Chị S lúc nào cũng bận rộn việc tập luyện, thi đấu; có khi chị S đi tập luyện, thi đấu đến 10 tháng; cả việc chị đi Mỹ thi đấu cũng không nói cho anh biết, khi anh ra Đà Nẵng thăm chị S mới biết chị đã đi Mỹ.

Tình trạng này kéo dài làm anh bức xúc, không kiềm chế cảm xúc nên anh có nhắn tin, điện thoại nói nặng lời với chị S, chửi bới chị S nhất là khi chị S có thái độ không đúng. Chị S không quan tâm đến anh, thờ ơ, lạnh nhạt với anh.

Vào tháng 5/2018 anh đi thăm chị S từ Đà Nẵng về huyện Bình Sơn làm việc hai ngày thì vợ chồng xảy ra cãi nhau trên điện thoại, anh đã đến nơi công tác của chị S là TTHLTTQG để yêu cầu chị S nói chuyện mâu thuẫn của vợ chồng nhưng chị S không đồng ý đi theo anh, vì lý do đó nên anh rất bức xúc với thái độ đó của chị S, anh có nắm tay níu kéo dẫn đến chị S té ngã. Bản thân nhận thấy mình có lỗi và đang có ý định xin lỗi thì chị S đã gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Th thừa nhận có hành động quan hệ ngoài ý muốn của chị S, có lời nói và hành động xúc phạm danh dự, uy tín của chị S; nguyên nhân do bức xúc việc vợ chồng không thường xuyên gặp nhau và thái độ không đúng của chị S đối với anh. Anh Th cũng cảm thấy quan hệ hôn nhân giữa anh và chị S không giống như vợ chồng nên tình cảm ngày càng phai nhạt dần. Nay chị S yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Anh muốn Tòa án quyết định để sau này cả hai còn nhìn nhận lại và rút kinh nghiệm về những vấn đề đã xảy ra với vợ chồng anh.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Th xác định vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] ***Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:***

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Nguyễn Thị S và anh Phan Mậu Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và những người làm chứng cho biết về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như anh Th có lời nói và hành động xúc phạm chị S; vợ chồng không có thời gian sống chung.

Tại phiên tòa, anh Th thừa nhận anh có những lời nói, hành động xúc phạm chị S, quan hệ ngoài ý muốn của chị S, vợ chồng không có điều kiện sống chung, tự cảm nhận quan hệ hôn nhân giữa anh, chị không giống quan hệ vợ chồng, anh vẫn biết chị S không còn tình cảm với anh và bản thân anh cũng cảm nhận được tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng phai nhạt dần. Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ căn cứ xác định, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Phan Mậu Th đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm không khắc phục được, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm lẫn nhau, không tôn trọng, giữ gìn danh dự, uy tín cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột cãi nhau; vợ chồng không có thời gian chung sống sau khi kết hôn đến nay nên về tình nghĩa

vợ chồng đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19, Điều 21, Điều 23 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Th có nguyện vọng hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không chủ động gặp chị S để nói chuyện, không có giải pháp nào để khắc phục được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Mặt khác, chị S có đơn yêu cầu Tòa án không tiếp tục hòa giải và cương quyết xin ly hôn với anh Th. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Th không đạt được, không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, cho chị S được ly hôn với anh Th.

[2.2] *Về nuôi con sau khi ly hôn*: Chị Nguyễn Thị S và anh Phan Mậu Th đều xác định không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị S và anh Phan Mậu Th đều cho rằng anh, chị không có nợ ai và không ai nợ anh, chị, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Về đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S và nghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 19, 21, 23, 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Phan Mậu Th.

2.2. *Về con chung*: Không có, không đặt ra giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị S và anh Phan Mậu Th đều cho rằng anh, chị không có nợ ai và không ai nợ anh, chị, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng chị được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002407 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.6. Chị Nguyễn Thị S, anh Phan Mậu Th có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã TL, huyện KB
tỉnh Hà Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Toại